

HOẠT ĐỘNG SINH KẾ CỦA PHỤ NỮ CÁC TỘC NGƯỜI Ở MỘT XÃ VEN BIỂN TỈNH SÓC TRĂNG DƯỚI TÁC ĐỘNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU (Nghiên cứu trường hợp xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng)¹

PGS.TS. Nguyễn Trường Giang
Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

Tóm tắt: Biến đổi khí hậu với các tác nhân tiêu cực trong vòng một thập kỷ qua đã có những tác động xấu đến đời sống người dân ở Đồng bằng sông Cửu Long, đặc biệt là người phụ nữ ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số. Để ứng phó với các tác động tiêu cực này, phụ nữ ở đây đã vận dụng và sáng tạo những loại hình hoạt động sinh kế nhằm duy trì cuộc sống của gia đình. Bài viết này tập trung tìm hiểu sinh kế của người phụ nữ Khơ-me và người Kinh ở một xã ven biển của tỉnh Sóc Trăng, nhằm đặt ra những câu hỏi và gợi mở những chính sách cho các nhà quản lý về một khu vực điển hình ở bán đảo Cà Mau.

Từ khóa: Hoạt động sinh kế, phụ nữ, tộc người, biến đổi khí hậu, Cà Mau.

Ngày nhận bài: 15/8/2018; ngày gửi phản biện: 28/8/2018; ngày duyệt đăng: 12/10/2018

Mở đầu

Phụ nữ gắn với đa dạng sinh kế nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu là chủ đề được nhiều tổ chức quốc tế và các nhà khoa học trong và ngoài nước thuộc nhiều lĩnh vực quan tâm trong vòng một thập kỷ qua (Tổ chức Nông lâm Thế giới - Oxfarm, 2008; Mai Thanh Sơn và cộng sự, 2011; Leonard và cộng sự, 2013; Lê Thương Huyền và cộng sự, 2013; Hiwasaki và cộng sự, 2014; Đặng Nguyên Anh và cộng sự, 2016; Entzinger và Scholten, 2016),... Các nghiên cứu này đề cập đến phụ nữ như một nhóm cộng đồng hoặc là thành viên trong hộ gia đình, đặc biệt là người phụ nữ dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng ngập mặn ven biển dưới sức ép của biến đổi khí hậu (từ đây viết tắt là BĐKH). Họ vừa là nạn nhân do tác hại của BĐKH, vừa là chủ nhân vận dụng các tri thức truyền thống đồng thời sáng tạo ra những kỹ năng mới trong đa dạng sinh kế để ứng phó với BĐKH nhằm duy trì đời sống kinh tế gia đình. Nghiên cứu này đề cập đến thực trạng đa dạng trong sinh kế của người phụ nữ nhằm ứng phó với tác động của BĐKH ở xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng nơi có ba tộc người sinh sống: Việt, Khơ-me và Hoa, là địa bàn đại diện điển hình cho khu vực chịu sự tác động của BĐKH ngày càng trở nên sâu sắc tại vùng bán đảo Cà Mau và vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

¹ Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số 504.04-2017.02.

1. Vai trò kinh tế của phụ nữ trong bối cảnh biến đổi khí hậu

Biến đổi khí hậu là một hiện tượng tự nhiên với nhiều biểu hiện và đưa đến nhiều tác hại thách thức toàn cầu, nó vượt qua mọi quốc gia và vùng lãnh thổ có ảnh hưởng đến mọi nhóm xã hội. Tuy nhiên, phụ nữ và trẻ em được coi là nhóm yếu thế chịu tác động trực tiếp và gặp nhiều rủi ro hơn so với các nhóm khác trong xã hội khi đối diện với BĐKH. Trong các bối cảnh xã hội khác nhau, vị thế và vai trò của người phụ nữ cũng khác nhau. Đặc biệt, phụ nữ nghèo ở nông thôn vùng dân tộc thiểu số ít được tiếp cận với các quyền sử dụng đất, giáo dục, nguồn vốn ngân hàng, dịch vụ khuyến nông... khiến họ dễ gặp tổn thương hơn khi đối mặt với lũ lụt, hạn hán, nước biển xâm mặn, thiên tai, mất mùa,... Điều này cho thấy phụ nữ hạn chế khi tiếp cận với các nguồn lực để duy trì an ninh kinh tế, an ninh lương thực và năng lượng cho gia đình, cũng đồng nghĩa với việc họ khó thích nghi với BĐKH, phục hồi thảm họa và điều chỉnh cuộc sống theo sự thay đổi của môi trường. Hiện nay, ở nhiều vùng nông thôn miền núi, vùng sâu xa, phụ nữ chịu trách nhiệm việc nhà và đảm trách các công việc chính liên quan đến trồng trọt và chăn nuôi trong khi nam giới có thể đi làm ăn xa, đi buôn bán hoặc làm công ăn lương. Các hoạt động nông nghiệp bao gồm trồng trọt và chăn nuôi lại phụ thuộc rất nhiều vào thời tiết, sự phì nhiêu của đất, tính ổn định của hệ thống thủy lợi cũng như độ che phủ cao của rừng. Khi các nguồn tài nguyên thiên nhiên này bị đe dọa bởi BĐKH, họ có nguy cơ mất các cơ hội làm ăn và đối diện với bất bình đẳng giới khi không làm chủ được các nguồn lực cho phát triển sinh kế gia đình. Ở nhiều hộ gia đình nam giới đi làm ăn xa để lại gánh nặng quản lý gia đình và sản xuất cho người phụ nữ, đặc biệt dưới tác động của BĐKH làm cho trí lực của người phụ nữ bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Để tạo thu nhập cho gia đình, người phụ nữ phải vào rừng thu hái thêm các sản vật ngoài gỗ, các loại thảo dược, đây vốn là công việc của nam giới. Điều này làm cho người phụ nữ không còn thời gian để tiếp cận với các hoạt động của xã hội (Mai Thanh Sơn và cộng sự, 2011).

Tuy nhiên, ở ý nghĩa tích cực, một số nghiên cứu cũng chỉ ra rằng phụ nữ và trẻ em gái lại có những ứng phó với BĐKH rất tốt. Chẳng hạn, những kiến thức và kinh nghiệm sâu rộng của người phụ nữ trong quản lý nguồn tài nguyên (nước, rừng, đa dạng sinh học, đất trồng) đã trang bị cho họ những kỹ năng độc đáo, có lợi cho tất cả những hoạt động ở các cấp. Chiến lược quốc tế về giảm thiểu thiên tai của Liên Hiệp Quốc đã ghi nhận phụ nữ và trẻ em gái là những người đầu tiên chuẩn bị cho gia đình trước nguy cơ xảy ra thiên tai và cũng là người đầu tiên đưa cuộc sống của cộng đồng trở lại ổn định sau thiên tai (Lê Thị Thương Huyền và cộng sự, 2013, tr. 7). Trong các nghiên cứu dân tộc học về vai trò của người phụ nữ trong đời sống gia đình, phụ nữ là người có tri thức trong đoán định thời tiết, tích trữ lương thực, nước uống, giữ các giống lúa, cây trồng và vật nuôi. Trong điều kiện di cư đến một khung cảnh môi trường mới, phụ nữ lại là người thích ứng nhanh trong việc tổ chức gia đình và ổn định đời sống trong cộng đồng.

2. Đặc điểm về địa bàn nghiên cứu và những biểu hiện tiêu cực của biến đổi khí hậu

Xã Vĩnh Hải là một trong 10 phường, xã thuộc thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, phía Đông và phía Nam của xã giáp với biển Đông, phía Tây giáp xã Lạc Hòa, phía Bắc giáp xã Hòa Đông và huyện Trần Đề. Xã Vĩnh Hải có 8 ấp gồm Âu Thọ A, Âu Thọ B, Trà Sét, Vĩnh Thạch A, Vĩnh Thạch B, Giồng Nổi, Huỳnh Kỳ, Mỹ Thanh (Niên giám thống kê Vĩnh Châu, 2016, tr. 11) với sự phân bố dân cư như sau (xem Bảng 1):

Bảng 1: Dân số chia theo dân tộc của xã Vĩnh Hải năm 2017

Thôn/Ấp	Tổng số hộ, khẩu toàn xã		Dân tộc					
			Kinh		Khơ-me		Hoa	
	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu
Ấu Thọ A	673	2.777	42	194	430	1.832	201	751
Ấu Thọ B	787	3.625	11	62	395	1.802	381	1.761
Trà Sết	820	3.564	56	232	622	2.731	142	601
Giồng Nổi	368	2.570	37	66	298	2.342	33	162
Huỳnh Kỳ	576	2.432	403	1.816	141	482	32	134
Mỹ Thanh	253	1.165	241	1.125	8	34	4	6
Vĩnh Thạnh A	553	2.420	235	1.002	26	83	292	1.335
Vĩnh Thạnh B	844	4.016	172	837	418	2.018	254	1.161
Tổng	4.874	22.569	1.197	5.334	2.338	11.324	1.339	5.911

Nguồn: Báo cáo kinh tế - xã hội năm 2017 của UBND xã Vĩnh Hải

Trong tổng số 22.569 khẩu của xã, nữ chiếm 10.620 người, chia theo dân tộc gồm nữ người Kinh: 2.688, nữ người Hoa: 2.880, nữ người Khơ-me: 5.052 (Chi cục thống kê thị xã Vĩnh Châu, 2017, tr. 30). Tỷ lệ lao động nữ trong độ tuổi lao động là 49,39% (Niên giám thống kê huyện Vĩnh Châu, 2017, tr. 31), tức là tương đối cân bằng so với tỷ lệ lao động nam trong độ tuổi lao động của xã.

Xã Vĩnh Hải có cơ cấu kinh tế chủ yếu dựa vào nông nghiệp, nuôi trồng, đánh bắt thủy hải sản và thu lượm các nguồn lợi tự nhiên trong các bãi lầy và khu vực rừng ngập mặn ven biển. Vì vậy, cơ cấu đất nông nghiệp cũng được phân bố theo các ngành kinh tế cơ bản: Tổng diện tích đất tự nhiên: 7.839,23ha, trong đó đất nông nghiệp là 6.598,22ha được phân bố như sau: đất sản xuất 1.119,06ha, đất lâm nghiệp có rừng 2.460,84ha và đất nuôi trồng thủy sản 3.018,32ha (Niên giám Thống kê thị xã Vĩnh Châu năm 2016).

Xã Vĩnh Hải có các đặc điểm tự nhiên về địa hình, khí hậu, thủy văn, tài nguyên đất và nước điển hình của khu vực chịu sự tác động tiêu cực của BĐKH ở Đồng bằng sông Cửu Long. Toàn xã bị chi phối bởi nước mặn, hướng xâm nhập mặn là từ biển Đông vào cửa Trần Đề và sông Mỹ Thanh, sông Trà Niên và hệ thống kênh trong xã, chi phối hầu hết diện tích đất đai của xã. Cuộc thảo luận với lãnh đạo xã Vĩnh Hải về tình hình BĐKH tại địa phương cho thấy những năm gần đây xã chịu ảnh hưởng rõ rệt bởi BĐKH do vị trí địa lý của xã (nằm ở ven biển), những ảnh hưởng của BĐKH toàn cầu, công tác chăm sóc, bảo vệ rừng và khai thác tài nguyên chưa được quản lý chặt chẽ. Các hiện tượng thiên tai xảy ra hàng năm như triều cường, nước biển xâm thực vào đất liền, mưa bão không theo chu kỳ có dấu hiệu bất thường, nhất là nắng nóng kéo dài, chịu ảnh hưởng trực tiếp của các cơn bão quốc tế hàng năm gây không ít khó khăn cho xã Vĩnh Hải trong phát triển kinh tế, đặc biệt đối với vùng sản xuất nông nghiệp. Theo sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai của xã Vĩnh Hải năm 2016 do UNICEF, Hội Chữ thập đỏ và Tổ chức JICA Nhật Bản thực hiện, xã Vĩnh Hải có tới 3 khu

vực ngập nước, hầu hết các ấp trong xã đều là khu vực hạn hán, 4 khu vực sạt lở tập trung ở ấp Mỹ Thanh, 13 khu vực lốc xoáy ở ven biển có thể xảy ra bất kỳ lúc nào dọc các xã ven biển. Các tổ chức quốc tế này cũng phối hợp với chính quyền xã chủ động chuẩn bị 11 khu vực sơ tán cho người dân là những nhà công cộng và các cơ sở tôn giáo như chùa chiền, đình có kết cấu công trình bền vững khi có thiên tai xảy ra.

Khi tiến hành nghiên cứu về đa dạng sinh kế của phụ nữ ứng phó với BĐKH tại địa bàn xã Vĩnh Hải, chúng tôi cũng chỉ lựa chọn hai ấp ven biển là Mỹ Thanh và Trà Sết. Ấp Mỹ Thanh có hầu hết dân cư là người Kinh, sinh sống ở địa bàn này lâu năm. Ấp Trà Sết mới tái định cư tại nơi ở mới vào năm 1998, sau ảnh hưởng của cơn bão lịch sử số 5 (Linda) vào ngày 1/11/1997, với hầu hết dân cư là người Khơ-me. Cả hai ấp này đều có rất ít đất trồng lúa. Sinh kế của các hộ gia đình người Việt và người Khơ-me ở đây dựa chủ yếu vào nguồn lợi đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản. Nhiều hộ gia đình trồng các loại cây nông sản như hành tím, ớt sừng trâu, cây thuốc cá. Chăn nuôi gia súc, gia cầm không đáng kể,... Đây cũng là hai ấp điển hình trong xã chịu sự tác động trực tiếp của BĐKH.

3. Đa dạng sinh kế và những rủi ro trong ứng phó với biến đổi khí hậu

Sinh kế thích ứng với BĐKH là hoạt động kinh tế có khả năng chống đỡ, hấp thu và phục hồi từ những tác động của BĐKH một cách hiệu quả và kịp thời; thông qua khả năng duy trì, khôi phục và vận hành nguyên trạng hoặc được cải thiện tốt hơn sau những tác động tiêu cực của BĐKH. Ở mỗi ấp, do những đặc trưng của điều kiện địa lý khác nhau nên sinh kế được người phụ nữ ở đây áp dụng rất đa dạng để ứng phó với BĐKH.

3.1. Nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản

3.1.1. Nuôi tôm sú

Trước hết, nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản như là một sự lựa chọn sinh kế được ưu tiên, trong đó nuôi tôm sú thu được nguồn tiền lớn. Các cuộc thảo luận với nhóm phụ nữ người Kinh và nhóm phụ nữ Khơ-me cho thấy, trong vòng 10 năm qua khí hậu tại địa phương có nhiều thay đổi bất thường, đất canh tác lúa bị xâm nhập mặn thành đất phèn chua nên không thể trồng lúa, nếu hộ nào có đất lúa muốn chuyển sang đất nuôi tôm thì phải có vốn đầu tư lớn. Nhóm phụ nữ ở thôn Mỹ Thanh cho biết, vốn bỏ ra nuôi tôm trên 1.000m² ước tính khá cao khoảng 42 triệu đồng, gồm: công ủi đất san lấp tạo vuông tôm 5 triệu đồng, máy bơm và ống dẫn nước 5 triệu đồng, dàn tạo ô xy 5 triệu đồng, thuê nhân công/tháng 15 triệu đồng, thức ăn cho tôm 12 triệu đồng (Phỏng vấn nhóm phụ nữ người Kinh ở ấp Mỹ Thanh năm 2018).

Nuôi tôm cũng gặp rất nhiều rủi ro khi thời tiết thay đổi. Thảo luận nhóm phụ nữ cho biết, năm 2018 tình hình thời tiết có nhiều bất thường như nắng nóng, mực nước đầm nuôi xuống thấp, môi trường không ổn định, kết hợp với độ mặn cao làm cho tôm nuôi giảm sức đề kháng, dễ sốc và chết. Tình trạng nắng hạn kéo dài làm cho hơi nước bốc nhanh, độ mặn trong vuông tôm tăng cao làm cho các loại dịch bệnh như đốm trắng, hoại tử gan tụy cấp của nhiều vuông tôm bị ảnh hưởng. Biên độ dao động nhiệt độ giữa ngày và đêm lớn gây ra nhiều tác động nghiêm trọng đến sinh trưởng của tôm nuôi. Vào mùa mưa, lượng mưa tăng mạnh đã gây lũ lụt làm cho độ mặn giảm đột ngột, khiến tôm mất thăng bằng, bị sốc, có thể gây chết hàng loạt và làm hư hại các công trình nuôi. Mùa khô đến sớm, hạn hán kéo dài, chất lượng nước nuôi kém, độ mặn tăng cao ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe

tôm, làm tôm khó lột vỏ, ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất nuôi. Trên thực tế, việc nuôi tôm gắn chặt với sự tham gia thường xuyên của người phụ nữ từ đầu vào cho đến thành phẩm, đặc biệt là việc vay vốn ngân hàng để thúc đẩy sản xuất và kết nối với thị trường khi thu hoạch.

Quá trình nuôi tôm cũng phản ánh tính giới khá rõ nét. Kết quả phỏng vấn nhóm phụ nữ cho thấy nam giới tham gia vào những hoạt động trực tiếp nuôi tôm ở các khâu như đào ao, làm đất, chuẩn bị thức ăn và cho tôm ăn. Ngược lại, các công việc đòi hỏi sự tỉ mỉ, cẩn thận như quản lý tài chính, thu hoạch tôm, chăm sóc nhà cửa thì phụ nữ đảm nhiệm chính. Do vậy, mặc dù đóng góp của phụ nữ vào công việc nuôi tôm không cao so với đàn ông nhưng họ lại có vai trò rất quan trọng trong công việc hậu cần để hỗ trợ những người đàn ông trong gia đình. Trong các quyết định lớn liên quan đến việc mua bán tôm, người đàn ông đều hỏi ý kiến của vợ, có sự tôn trọng ý kiến và đạt sự đồng thuận cao trong các công việc chính. Năm 2018, giá tôm giảm mạnh, nhiều nơi đến 30% (Viet Stock, 2018), tình cảnh nuôi tôm của người nông dân ở Mỹ Thanh và Trà Sết cũng nằm trong tình trạng chung đó. Việc đầu tư nuôi tôm mất nhiều tiền vốn, quá trình nuôi gặp nhiều rủi ro, kèm theo đó là ảnh hưởng của BĐKH làm cho nhiều vụ nuôi trồng thất bại. Cùng với đó, giá tôm sụt giảm trong năm nay đã làm cho nhiều hộ gia đình phải thế chấp sổ đỏ để vay tiền ngân hàng. Hệ quả là nhiều hộ không trả được nợ ngân hàng, phải trốn nợ, rời bỏ quê hương lên thành phố làm thuê, kiếm kế sinh nhai.

3.1.2. Đánh bắt thủy hải sản

Một nguồn sinh kế quan trọng nữa của người dân ở xã Vĩnh Hải là đánh bắt thủy hải sản ven biển và ở các khu vực rừng ngập mặn. Ấp Mỹ Thanh có truyền thống đi biển lâu năm và người phụ nữ trong thời gian gần đây cũng tham gia cùng những người đàn ông trong nghề đi biển. Ở đây nhiều hộ gia đình đã sắm các ghe đánh bắt cá có công suất từ 9 - 30 mã lực, phổ biến là 20 mã lực. Ngư trường đánh bắt chủ yếu là ven bờ. Các ngư cụ đánh bắt thủ công truyền thống như sọt, đóng đáy, lưới rê, câu. Trước đây mưa thuận gió hòa, điều kiện thời tiết thuận lợi, việc đánh bắt cá ở biển được diễn tiến theo chu kỳ ổn định theo tháng: tháng 1 - 2 là bắt gú, tháng 5 - 6 đánh bắt cá kèo giống, tháng 8 - 9 đánh bắt cá bông giống, tháng 11 - 12 đánh bắt cá đũa. Đi biển là công việc nặng nhọc và phần lớn đều do nam giới đảm nhận, phụ nữ chỉ giúp việc nhà, chăm sóc con cái và phân loại tôm cá sau đánh bắt để bán ở chợ. Nhưng hiện nay, do BĐKH nên nguồn tôm cá không được dồi dào như trước, tiền công thuê lao động cao nên nhiều phụ nữ đã cùng chồng con tham gia trực tiếp vào việc đi biển, dù biết là rất vất vả không phù hợp với thể lực của phụ nữ, nhưng họ không còn lựa chọn nào khác. Không thiếu những chuyến đi biển họ trở về tay không². Biến đổi khí hậu theo chiều hướng xấu đã gây ra nhiều hệ lụy đối với người dân đi biển ở vùng Mỹ Thanh. Do truyền thống lâu đời, ngư dân ở đây đánh bắt ven bờ nên họ thường đóng các ghe nhỏ khiến họ không thể đánh bắt xa bờ. Trước đây, mùa đi biển từ tháng 3 âm lịch (*tháng 3 bà già đi biển*), biển lặng sóng cũng là mùa đánh bắt cá kèo giống, một nguồn lợi có từ tự nhiên góp phần tăng thu nhập cho nhiều hộ dân. Tuy nhiên, những

² Theo tính toán của bà Đoàn Lê Hồng, 54 tuổi tại Mỹ Thanh thì một chuyến đi biển tiền đầu tư cho xăng dầu là trên 1 triệu đồng, tiền thuê bạn đi cùng 250 ngàn đồng/phụ và 300 ngàn đồng/lái. Nếu chuyến đi thu được 200kg cá tôm các loại thì mới có lãi, thu 100kg là hòa vốn, nhiều chuyến đi về không thu được gì thì là lỗ nặng.

năm gần đây khí hậu thất thường, biến động thường xuyên nên việc ra khơi đối với nhiều hộ dân trở nên khó khăn³.

Tại ấp Trà Sét với gần 100% là hộ người Khor-me mới được tái định cư từ năm 1998 đến nay, phần lớn là hộ nghèo không có đất canh tác lúa, sinh kế chủ yếu dựa vào nghề đánh bắt cá và các loài thủy sinh bằng những dụng cụ thủ công. Dụng cụ đánh bắt là vợt được đan bằng lưới thưa, xô nhỏ, miệng lưới đuôi chuột. Theo quan sát của chúng tôi khi nghiên cứu tại ấp Trà Sét, phần lớn người ra biển đánh bắt cá là phụ nữ. Nam giới ở Trà Sét thường tìm kiếm những công việc nặng nhọc hơn như làm thợ nề, thợ hồ, đi biển thuê ở thị xã Vĩnh Châu hoặc các xã lân cận; họ lựa chọn cách làm việc là sáng đi và tối trở về để gần gũi với gia đình. Dưới các tán cây đước, cây mắm, cây bần là những loại cây trồng để lấn biển tích phù sa, là môi trường sinh sống của rất nhiều loài thủy sinh như con ba khía, cua, ốc, nghêu, sò, cá kèo giống, người dân có thể bắt bằng tay, bằng vợt lưới. Với các loại cá được coi là đặc sản ở vùng này như cá thòi lòi, cá nghệ thì dùng những tấm lưới đồn gián để đánh bắt. Với cách đánh bắt này, một phụ nữ trong một ngày có thể kiếm được vài chục ngàn đến vài trăm ngàn đồng. Đây được coi là nguồn lợi ổn định để các hộ gia đình ở đây vượt qua những thời điểm thiếu hụt tài chính. Tuy nhiên, việc đánh bắt các loài thủy sinh này cũng phụ thuộc vào mùa đánh bắt, mùa cá kèo bắt đầu từ tháng 4 - 5 hàng năm, người phụ nữ cũng phải tích lũy được kinh nghiệm dân gian là “*chạy theo con nước*” mới có thể đánh bắt được nhiều. Hoặc, muốn bắt nghêu vào mùa hè thì họ thường chọn thời điểm sau mỗi cơn mưa vì lúc này nghêu sẽ nổi nhiều hơn trên cát... Sự thay đổi thời tiết trong những năm gần đây cũng ảnh hưởng đến việc đánh bắt tự nhiên của người phụ nữ Khor-me.

3.2. Trồng các loại cây nông sản

Ngoài nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản, phụ nữ xã Vĩnh Hải còn trồng các loại cây nông sản trên nhiều đơn vị diện tích đất khác nhau. Trước hết là cây hành tím vốn được coi là đặc sản ở thị xã Vĩnh Châu trong truyền thống. Năm 2016, diện tích trồng hành tím ở xã Vĩnh Hải trong vụ xuân là 2.029ha với năng suất đạt 19 tấn/ha và sản lượng là 39.000 tấn; vụ mùa là 832ha, năng suất 18,3 tấn trên/ha, sản lượng đạt 15.260 tấn (Niên giám thống kê thị xã Vĩnh Châu, 2017, tr. 74). Theo kinh nghiệm của nhóm phụ nữ ở đây, cây hành tím khá kén đất và không thích hợp với thời tiết mưa dầm hay nắng hạn kéo dài. Mùa hành tím ở xã Vĩnh Hải kéo dài từ vài tháng trước tết âm lịch và kết thúc vào tháng 2 - 3 năm sau. Do vòng đời sinh trưởng của cây hành ngắn nên người phụ nữ ở đây trồng liên tục 3 - 4 vụ trong khoảng thời gian trên với điều kiện thời tiết thuận lợi. Để chuẩn bị cho mỗi mùa gieo trồng, hành giống và đất trồng luôn được chuẩn bị kỹ lưỡng. Về hành giống người dân cần thận lựa chọn những củ màu tím sẫm, chắc, không mọc rễ non, đáy tròn, không có dấu hiệu của sâu bệnh; sau đó lột vỏ bao ở đầu củ rồi đem trồng. Với diện tích đất là một công (1.000m²), lượng hành giống tương ứng để trồng là khoảng 70 - 90kg.

Mặc dù là cây nông sản truyền thống đem lại thu nhập khá tốt cho người dân nơi đây, nhưng trong thời gian vừa qua do khí hậu thay đổi thất thường nên năng suất cây hành sụt giảm và bị sâu

³ Bà Võ Trúc Khanh, 47 tuổi, ấp Mỹ Thanh cho biết vào ngày 21/5/2018 có lốc xoáy trên biển làm cho 2 hộ gia đình đánh bắt cá ở Mỹ Thanh bị đắm ghe, hỏng phương tiện và vật dụng đánh bắt cá, có người bị thương, trong đó có gia đình bà.

bệnh nhiều. Bên cạnh đó, giá cả của cây hành cũng không được cao như những năm trước nên nhiều hộ gia đình đã bỏ trồng hành⁴.

Một cố gắng nữa trong tận dụng đất trồng được những người phụ nữ ở đây áp dụng là gieo trồng cây ớt sừng trâu. Người phụ nữ đã tận dụng diện tích đất trồng hành tím thương phẩm để trồng ớt sừng trâu xen canh. Ưu điểm của giống ớt sừng trâu là cây lớn, quả to bóng đẹp, khi chín có màu đỏ tươi, dễ trồng và chi phí chăm sóc thấp, cây cho năng suất cao, dễ tiêu thụ. Công việc này đã được người dân ở đây gieo trồng xen canh với hành tím và cây củ cải từ năm 2003 nhằm mục đích chuyển đổi đa dạng cây trồng. Điều đáng nói là những năm gần đây, người dân ở Mỹ Thanh và Trà Sết luôn rơi vào tình trạng bất ổn về thị trường giá cả, khiến người dân chịu nhiều thiệt thòi.

Cùng với việc nuôi tôm sú, loại hình trồng cây thuốc cá đã xuất hiện ở khu vực ấp Mỹ Thanh và Trà Sết trong những năm gần đây, mà đối tượng tích cực gieo trồng nhất là những người phụ nữ. Điều đặc biệt là cây thuốc cá lại có thể trồng ở các vùng đất phèn, nhiễm mặn, những vùng đất khó có thể trồng cây và chăn nuôi. Theo kinh nghiệm của người nuôi trồng tôm sú, rễ dây thuốc cá có tác dụng diệt các loài cá tạp và sinh vật gây hại trong ruộng tôm. Để xử lý một ruộng tôm có diện tích 3.000m², người ta có thể dùng 10kg rễ cây thuốc cá già nát vắt lấy nước để xử lý. Lợi thế của việc gieo trồng loại cây này là ít tốn chi phí, khoảng gần 7 triệu đồng/ha và thời gian chăm sóc không nhiều, chỉ bón phân bổ sung dưỡng chất, tưới và xả nước chống khô cạn và chống ngập là đủ điều kiện để loại dây này phát triển. Đến khi thu hoạch, nếu được mùa, được giá, người trồng sẽ có lợi nhuận gấp đến 7 - 8 lần chi phí bỏ ra. Khi nghiên cứu tại huyện Vĩnh Châu, đặc biệt là xã Mỹ Thanh, nhóm nghiên cứu nhận thấy người phụ nữ ở đây tận dụng khoảnh đất trống để trồng cây thuốc cá. Điều này chứng tỏ sự sáng tạo của người phụ nữ ở xã Mỹ Thanh, không thụ động trông chờ các chính sách của Nhà nước ban hành mà đã chủ động, tích cực đổi mới với thực tế để ứng phó với BĐKH trong việc bảo đảm an ninh kinh tế. Điều đặc biệt là khi phỏng vấn các nhóm phụ nữ thuộc hai ấp nghiên cứu của xã Vĩnh Hải, họ đều nói công việc trồng trọt các loại cây nông sản phần lớn do phụ nữ gieo trồng, chăm sóc và phân phối sản phẩm; nam giới chỉ phụ giúp khi thu hoạch.

3.3. Đi làm ăn xa và làm thuê tại địa phương

Năm 2014, trong báo cáo của Liên Hiệp Quốc về di dân và cách thức giảm thiểu các tác hại do BĐKH gây ra đối với người dân vùng bị ảnh hưởng đã nhận định: động lực di cư phụ thuộc vào những khó khăn hoặc cơ hội kinh tế, mạng lưới xã hội, tình hình chính trị và áp lực môi trường, trong đó có các áp lực do khí hậu. Di cư thường được cho là giải pháp tiềm năng để đối phó và giảm nhẹ tác động của các hiểm họa khí hậu và mang lại lợi ích cho những đối tượng dễ bị tổn thương (Liên Hiệp Quốc tại Việt Nam, 2014, tr. 1). Trong bối cảnh BĐKH ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long trong những năm qua, việc đi làm ăn xa có thể được hiểu là di cư có chủ đích nhằm bảo vệ những người sống ở vùng nông thôn khỏi hiểm họa thiên tai nghiêm trọng. Ở khu vực xã Vĩnh Hải, qua thảo luận nhóm với người dân, phần lớn người đi làm ăn xa là phụ nữ hoặc các cặp vợ chồng có con cái gửi

⁴ Chị Nguyễn Thị Soan ở ấp Trà Sết cho biết, trồng hành tím năm nay (2018), mưa trái mùa, sâu bệnh, mất mùa, một công (1.000m²) được 1,5 - 1,8 tấn. Giá bán hiện nay khoảng 7.000 - 8.000 đồng/kg thì 1 công hành lỗ 6 triệu đồng. Không chỉ mất giá, năm nay thời tiết bất lợi khiến tình hình sâu bệnh, dịch hại diễn biến phức tạp còn ảnh hưởng rất lớn đến năng suất và thu nhập của người trồng hành. So với thời điểm năm 2012, giá bán hành thành phẩm lên tới 20.000 - 22.000 đồng/kg.

lại cho ông bà trông ở nhà. Việc đi làm ăn xa cũng có thể được xem như là cách thích ứng với khủng hoảng trong nông nghiệp và kinh tế, nâng cao khả năng chống chịu phục hồi sau các tác hại của thời tiết cực đoan; thích ứng đó được thể hiện qua lượng tiền gửi về quê, nhất là trong trường hợp cả nhà chỉ có một người di cư. Đi làm ăn xa đồng nghĩa với việc người phụ nữ rất dễ gặp các rủi ro về sức khỏe, công việc và dễ bị tổn thương trong tình cảm gia đình. Trong quá trình đi làm ăn xa, người dân thường phải sống trong các khu vực đô thị nghèo và mất an toàn, có nhiều bất trắc có thể xảy ra bất cứ lúc nào (Đặng Nguyên Anh và cộng sự, 2016, tr. 40).

Theo thống kê của xã Vĩnh Hải, riêng thôn Trà Sết vào năm 2017 có hơn 60 hộ gia đình trên tổng số 200 hộ đã rời quê hương để đi làm ăn xa do chưa ổn định sản xuất vì chưa được cấp đất sản xuất (UBND xã Vĩnh Hải, 2017, tr. 5). Ở ấp Mỹ Thanh, rất nhiều phụ nữ còn trẻ đã đi làm ăn xa ở Bình Dương, Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh trong nhiều năm qua. Họ chỉ trở về gia đình vào dịp tết hoặc khi gia đình có vấn đề bất thường xảy ra. Công việc chính của người phụ nữ đi làm ăn xa là công nhân may mặc, đóng giày, giúp việc trong quán ăn, thậm chí nhiều người theo chồng làm các công việc nặng nhọc như làm thợ hồ, thợ nề, bốc vác.

Việc những phụ nữ trẻ cùng với chồng của mình bỏ xứ đi làm ăn xa không những gây ra thiếu hụt lao động ở địa phương mà còn ảnh hưởng đến nhiều vấn đề xã hội khác như người già đau ốm không có người chăm sóc, trẻ em xa cha mẹ không có người quán xuyến chăm sóc dạy dỗ⁵. Nhiều áp của người Khơ-me và người Kinh hiện chỉ còn thấy người già và trẻ nhỏ ở nhà, vì những người trong độ tuổi lao động đã rời làng đi lên thành phố làm ăn.

Có một thực tế ở xã Vĩnh Hải là tỷ lệ nữ giới đi làm ăn xa cao hơn so với nam giới, nếu nam giới có xu hướng đi làm ăn gần để có thể đi và về trong ngày với khoảng cách từ 20 - 30km và được trả tiền công theo ngày. Còn phụ nữ họ đi làm ăn xa hơn so với nam giới bởi công việc ở các khu đô thị và thành phố lớn đòi hỏi sự khéo léo, bền bỉ và cẩn thận gắn với các hoạt động mang tính công nghiệp hay dịch vụ như làm thợ may quần áo, giày dép, phục vụ cho các quán ăn uống, giúp việc và trông trẻ nhỏ vốn đòi hỏi thời gian lâu dài và phải rời xa nhà.

Trong số những người phụ nữ trung niên hoặc lớn tuổi ở ấp Mỹ Thanh và Trà Sết hiện nay, không ít người đã có nhiều trải nghiệm khi đi làm ăn xa; nay do khi sức khỏe không đảm bảo nên họ quay về địa phương với công việc chính là chăm sóc gia đình, con cháu. Tuy vậy, trong bối cảnh BĐKH ngày càng trở nên sâu sắc nên khi có bất cứ cơ hội nào liên quan đến việc làm thì họ cũng không bỏ qua để có thể kiếm thêm thu nhập cho gia đình. Công việc làm thuê thường gắn với các sinh kế của địa phương và mùa nào việc đó. Liên quan đến nuôi tôm và đánh bắt hải sản, họ có thể đi làm thuê theo công nhật như nuôi tôm với mức thu nhập 3 triệu đồng/tháng/người, đi theo ghe đánh bắt hải sản là 200.000 đồng/ngày/người. Liên quan đến trồng các loại cây nông sản (hành tím, ớt sừng trâu, thuốc cá), họ cũng có thể tham gia làm thuê các công việc liên quan như nhổ cỏ, tưới cây, thu hoạch, bóc hành củ... với giá ngày công lao động từ 80.000 - 120.000 đồng/ngày/người, tùy nhu cầu của thị trường lao động ở những thời điểm khác nhau. Tuy nhiên, việc làm thuê tại địa phương cũng chỉ là giải

⁵ Bà Võ Trúc Khanh có con gái và con rể đi TP. Hồ Chí Minh làm công nhân đã nhiều năm nay. Họ gửi hai đứa cháu cho ông bà trông, mỗi tháng gửi về 4 triệu đồng để nuôi hai cháu. Đứa bé được gửi ông bà từ khi 2 tuổi, giờ đã 7 tuổi, học lớp 2 và em trai được 4 tuổi. Hai vợ chồng chỉ trở về nhà vào dịp tết, nhà riêng đóng cửa. Tình cảnh này rất phổ biến trong các ấp của người Kinh và Khơ-me ở khu vực nghiên cứu.

pháp tạm thời không bền vững bởi nó phụ thuộc vào giá thị trường nông sản, tính ổn định của thời vụ và năng suất của việc nuôi trồng thủy sản và cây trồng.

4. Một vài bàn luận thay cho lời kết

Trong nghiên cứu này, chúng tôi luôn tôn trọng và vận dụng quan điểm của người trong cuộc (*emic perspective*), chính là quan điểm của người phụ nữ Khơ-me và Kinh tại địa bàn nghiên cứu. Quan điểm người trong cuộc là “cách nhìn từ bên trong” hay những suy nghĩ, diễn giải về ý nghĩa của một thực hành văn hóa nào đó từ chính chủ nhân của các thực hành văn hóa đó. Những suy nghĩ, diễn giải này thường rất khác, thậm chí ở nhiều trường hợp là đối lập so với cách nhìn, cách nghĩ và sự diễn giải của người ngoài cuộc (*etic perspective*) (Hoàng Cẩm, Nguyễn Trường Giang, 2014, tr. 16). Trong trường hợp xã Vĩnh Hải, với tư cách là người trong cuộc, nhóm phụ nữ ở đây đưa ra các bàn thảo cụ thể mong muốn tìm ra các hướng đi để phát triển sinh kế ứng phó với BĐKH.

Đối với việc nuôi tôm sú trong điều kiện thời tiết thay đổi bất thường và giá tôm giảm mạnh do nhu cầu của thị trường bão hòa, người dân vẫn mong muốn được duy trì sinh kế này vì đây vẫn là công việc tạo ra nguồn tiền lớn. Mặc dù còn nhiều rủi ro, nhưng theo nhận định của người dân trong thời gian tới thị trường sẽ ổn định, sẽ có đầu ra cho sản phẩm. Nhiều hộ gia đình nuôi tôm do chịu thời tiết bất thường làm tôm chết liên tục trong nhiều vụ, do giá cả sụt giảm nên cạn vốn, để duy trì nuôi tôm, đòi hỏi nguồn vốn lớn, họ rất cần tiếp cận được nguồn vốn ngân hàng lâu dài với lãi suất thấp và sự hỗ trợ khoa học kỹ thuật để giảm thiểu các rủi ro do BĐKH gây ra. Những người phụ nữ không còn khả năng phục hồi nghề nuôi tôm nữa thì mong muốn được đào tạo nghề, đào tạo các kỹ năng kỹ thuật để có thể tiếp cận với các công việc như may mặc, xay sát, chế biến nông sản để làm việc cho các khu công nghiệp ở địa phương và các tỉnh lân cận.

Tiếp cận nguồn vốn cũng rất quan trọng đối với các hộ đánh bắt thủy hải sản ven biển của ấp Mỹ Thanh vì phần lớn ở đây ghe tàu đều có công suất nhỏ không thể đánh bắt xa bờ trong những ngày biển động sóng lớn. Theo tính toán của chị em phụ nữ, chỉ cần nguồn vốn từ 70 - 100 triệu đồng là có thể sửa chữa cải tạo thành ghe tàu lớn đánh bắt xa bờ hơn. Thực tế có nhiều hộ gia đình thừa 3 - 4 nam lao động nhưng thiếu phương tiện làm việc gây lãng phí nguồn lực. Việc vay vốn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Chính sách xã hội gặp nhiều khó khăn do phải thế chấp tài sản hoặc nhà đất cũng như phương án kinh doanh chi trả vốn và lãi gặp nhiều rủi ro không thể thực hiện theo kế hoạch. Đây cũng là rào cản để các hộ dân phát triển nghề đánh bắt hải sản vốn được coi là thế mạnh ở khu vực ven biển. Có tàu ghe lớn thu hút lực lượng nam lao động dôi dư có thể đi đánh bắt xa bờ cũng là giải phóng sức lao động cho người phụ nữ tham gia các công việc nặng nhọc như đi biển.

Những loại cây nông sản vốn được coi là sinh kế đem lại nguồn thu nhập ổn định cho các nông hộ cho phép tận dụng diện tích đất nhiễm mặn, đất phèn ở Vĩnh Hải. Thông qua việc gieo trồng cũng thu hút và giải quyết lao động làm thuê tại địa phương và các vùng lân cận dựa trên sản lượng và giá cả ổn định của những cây nông sản, cụ thể là cây hành tím, cây ớt sừng trâu. Biến đổi khí hậu và thị trường bất ổn khiến cho không ít người dân chán nản, bỏ hoang đất canh tác. Người phụ nữ ở đây rất cần sự hỗ trợ của Nhà nước và các doanh nghiệp trong việc điều tiết giá cả và bao tiêu các loại sản phẩm này để họ có thể yên tâm duy trì sản xuất.

Áp Trà Sết mới được tái định cư từ năm 1998, đa số các hộ người Khơ-me ở đây thuộc diện nghèo, không có đất sản xuất, sinh kế chỉ dựa vào làm thuê và đánh bắt thủy hải sản ở vùng ven biển. Thực tế hiện nay có khoảng 2.000 công (200ha) đất sau khu nhà tái định cư do Nhà nước xây hỗ trợ cho người dân kéo đến chân đê ven biển là đất phát triển cây đước, cây mắm. Theo người dân địa phương, đây là đất do nông lâm trường quản lý và đã bỏ hoang rất nhiều năm. Theo Luật Đất đai, địa phương nên thu hồi đất không sử dụng hoặc sử dụng kém hiệu quả của những tổ chức, nông lâm trường hoặc thay đổi mục đích sử dụng đất theo kế hoạch và phân bổ lại cho các hộ gia đình và cá nhân theo các dự án phân phối đất cho người dân (Chun, 2015, tr. 15). Điều 16 Khoản (a) của Luật Đất đai năm 2013 cũng quy định rõ Nhà nước có thể thu hồi đất đai để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Đây là điều luật rất quan trọng để bảo đảm quyền an ninh kinh tế cho người dân, đặc biệt là các vùng có nguy cơ cao về BĐKH. Tuy nhiên, điều này lại chưa được áp dụng đối với các khu vực tái định cư mà người dân thiếu đất sản xuất. Các hộ Khơ-me, đặc biệt là nhóm phụ nữ ở đây rất muốn Nhà nước có những chính sách can thiệp nhằm phân bổ lại đất đai cho người dân, những hộ thiếu đất sản xuất để có thể cải tạo đất nuôi tôm, cá, trồng các loại rau.

Vấn đề ô nhiễm môi trường cũng ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng, đặc biệt là sức khỏe của người phụ nữ. Trước các dãy nhà tái định cư của Trà Sết là đoạn mương kín không có nơi thoát nước. Người dân có thói quen thả bừa bãi các loại bao bì, túi nilon, chai lọ chứa các loại phân bón, thuốc trừ sâu ở ven đường và mương làm ảnh hưởng đến sức khỏe của cộng đồng. Thực trạng này rất cần chính quyền và cộng đồng lên tiếng bảo vệ nguồn nước mương này, thực hiện việc kiểm soát các nguồn chất thải sinh hoạt, công nghiệp, chất thải thủy sản bằng những biện pháp giáo dục nhận thức và ngăn cấm việc xả rác bừa bãi. Nhóm phụ nữ ở đây cũng đề xuất các biện pháp xây dựng những hệ thống thu gom, phân loại và xử lý sơ bộ nước thải, rác thải ở ngay hộ gia đình, các điểm và các tuyến dân cư. Bên cạnh đó, họ rất cần Nhà nước đầu tư nạo vét, mở rộng và cải tạo chất lượng nước và kênh mương, cải tạo 600m đường đất thành đường bê tông nối liền khu dân cư ra biển để người dân thuận lợi hơn trong di chuyển đánh bắt thủy hải sản.

Cuối cùng, nhóm phụ nữ của cả hai ấp người Khơ-me và người Kinh đều quan tâm đến những người phụ nữ “tị nạn khí hậu” - những người buộc phải rời bỏ gia đình, quê hương bản quán để đi làm ăn xa. Đây là nhóm xã hội yếu thế rất dễ bị tổn thương khi gặp phải các vấn đề về sức khỏe, tâm lý, tình cảm và những rủi ro khác. Họ rất cần các thông tin mang tính hướng nghiệp ở nơi làm việc mới khi buộc phải rời bỏ làng quê đi làm cũng như các thông tin tư vấn về kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng xử lý khủng hoảng khi gặp các vấn đề khó khăn ở đô thị. Ước nguyện của những người phụ nữ này thật đơn giản là làm sao được sống, làm việc ngay trên chính mảnh đất được sinh ra cùng với chồng con và làng xóm của mình trong bối cảnh BĐKH ngày càng trở nên gay gắt.

Tài liệu tham khảo

1. Đặng Nguyên Anh, Irene Leonardelli, Ana Alicia Dipierri (2016), “Đánh giá bằng chứng di cư môi trường và biến đổi khí hậu tại Việt Nam”, Tổ chức di cư quốc tế (IOM), trên trang web http://www.environmentalmigration.iom.int/sites/default/files/Viet%20Nam%20Assessment%20Vietnamese%20version%20final%2015%20Feb%2016%20Vietnamese_0.pdf, truy cập ngày 30/6/2018.

2. Hoàng Cẩm, Nguyễn Trường Giang (2014), *Đa dạng văn hóa - Bài học từ những câu chuyện*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
3. Chun, Jane M. (2014), “Livelihoods Under Stress Critical Assets and Mobility Outcomes in the Mekong Delta, Vietnam”, *Tổ chức di cư quốc tế*, Geneva, Thụy Sĩ.
4. Cục thống kê Sóc Trăng, Chi cục Thống kê thị xã Vĩnh Châu (2017), *Niên giám thống kê thị xã Vĩnh Châu năm 2016*, Thị xã Vĩnh Châu.
5. Entzinger, Han và Scholten, Peter (2016), “Thích nghi với biến đổi khí hậu thông qua di cư, một nghiên cứu về trường hợp đồng bằng sông Cửu Long”, *Tổ chức di cư quốc tế*, 1211, Geneva, Thụy Sĩ.
6. Hiwasaki, Lisa; Luna, Emmanuel; Syamsidik & Marçal, José Adriano (2015), “Local and indigenous knowledge on climate-related hazards of coastal and small island communities in Southeast Asia”, *Climatic Change*, Volume 128, pp. 35-56, Spinger.
7. Leonard, Sonia; Parsons, Meg; Olawsky, Knut; Kofod, Frances (2013), “The role of culture and traditional knowledge in climate change adaptation: Insights from East Kimberley, Australia”, *Global Environmental Change*, Volume 23, pp. 623-632, Elsevier.
8. Lê Thị Thương Huyền, Lương Thị Thanh Hương (2013), “Tổng quan về biến đổi khí hậu và bình đẳng giới”, *Tạp chí Y tế Công cộng*, Số 29, tr. 4-10.
9. Liên Hiệp Quốc tại Việt Nam (2014), “Di cư, tái định cư và biến đổi khí hậu tại Việt Nam, Giảm nhẹ mức độ phơi bày trước hiểm họa và tổn thương từ khí hậu cực đoan thông qua di cư tự do và di dân theo định hướng”, trên trang web http://www.vn.undp.org/content/dam/vietnam/docs/Publications/Migration%20and%20climate%20change_BW_VN.pdf, truy cập ngày 5/7/2018.
10. Oxfarm (2008), *Việt Nam biến đổi khí hậu, sự thích ứng và người nghèo*, Báo cáo tháng 8 năm 2018.
11. Mai Thanh Sơn, Lê Đình Phùng, Lê Đức Thịnh (2011), *Biến đổi khí hậu: Tác động, khả năng ứng phó và một số vấn đề về chính sách (Nghiên cứu trường hợp đồng bào các dân tộc thiểu số vùng núi phía bắc)*, Báo cáo nhóm công tác Biến đổi khí hậu và Nhóm công tác dân tộc thiểu số do Tổ chức Care Quốc tế tài trợ năm 2011.
12. UBND xã Vĩnh Hải (2017), *Báo cáo Tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2017 và chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm 2018*, Vĩnh Hải.
13. Viet Stock (2018), “Giá tôm giảm mạnh: giải pháp nào cho người nuôi tôm và người xuất khẩu”, trên trang web <https://vietstock.vn/2018/05/gia-tom-giam-manh-giai-phap-nao-cho-nguoi-nuoi-va-nha-xuat-khau-118-607415.htm>, truy cập ngày 28/5/2018.